TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 608/2022/LĐ-ST
Ngày: 04-8-2022
V/v tranh chấp về trợ cấp thôi việc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-LĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp về trợ cấp thôi việc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-LĐ ngày 30/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-LĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thái P

Địa chỉ: 6/1L Đường số 10, Khu phố 2, phường H, Tp. T, Tp. Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T

Địa chỉ: 209 H, Phường 8, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Duy H – Chủ tịch công ty, là đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 của ông Nguyễn Thái P và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông P làm việc tại Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng T từ tháng 01/2005 đến tháng 3/2006. Sau đó, ông P điều động sang Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ từ tháng 4/2006 đến tháng 07/2017. Ngày 26/7/2017 ông P được điều sang làm việc tại Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T (Gọi tắt Công ty T) cho đến ngày 21/02/2020 tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Đến ngày 31/7/2020 ông P chính thức nghỉ việc

theo quyết định số 3017-18/2020/QĐ-TGĐ. Cho đến nay ông P vẫn chưa nhận được trợ cấp thôi việc, do đó ông P khởi kiện yêu cầu Công ty T trả trợ cấp thôi việc trong thời gian ông P làm việc từ tháng 01/2005 đến 31/12/2008 là 4 năm với mức lương trước khi nghỉ việc là 15.826.835 đồng. Tổng số tiền trợ cấp thôi việc ông P yêu cầu Công ty T trả là 31.654.000 đồng, trả 01 lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập Công ty T nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chưa trả trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thái P khởi kiện yêu cầu Công ty T trả trợ cấp thôi việc, bị đơn có địa chỉ tại 209 H, Phường 8, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty T đã được triệp tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Giấy xác nhận thời gian công tác của Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng T thì ông P làm việc tại Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng T từ tháng 01/2005 đến tháng 03/2006. Từ tháng 04/2006 Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng T điều ông P sang làm việc tại công ty con là Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ. Trong đó xác định thời gian ông P làm việc tại Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng T được cộng dồn qua Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ.

Căn cứ Quyết định số 118/2017/QĐ-TGĐ ngày 26/7/2017 thì ông P được điều động sang làm việc tại Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T. Đến ngày 21/02/2020 thì tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Ngày 31/7/2020 ông P chính thức nghỉ việc theo quyết định số 3017-18/2020/QĐ-TGĐ.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T thì Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ đã sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T. Do đó, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T là Công ty tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ.

Do đó, ông P yêu cầu Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T là Công ty tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Thiết kế T Trẻ phải trợ cấp thôi việc trong thời gian ông P làm việc từ tháng 01/2005 cho đến 31/12/2008 là phù hợp với Điều 14 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung Bộ luật lao động và khoản 2 Điều 9 Thông tư số: 47/2015/TT-BLĐTMXH ngày 16/11/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ thì sau khi sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp mà người lao động chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc cho mình và thời gian người lao động đã làm việc cho người sử dụng lao động trước khi sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp.

Căn cứ tiền lương từ tháng tháng 8/2019 đến tháng 01/2020 qua tài khoản ngân hàng thì mức lương trung bình của ông P 6 tháng trước khi nghỉ việc là 15.836.835 đồng, do đó ông P khởi kiện yêu cầu Công ty T trả trợ cấp thôi việc trong thời gian ông P làm việc từ tháng 01/2005 đến 31/12/2008: (15.836.835 đồng x 4 năm)/2 = 31.635.670 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T trả trợ cấp thôi việc từ tháng 01/2005 đến tháng 12/2008 là 04 năm, với số tiền 31.635.670 đồng, trả 01 lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 31.635.670 đồng, được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ các quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T phả chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 36 và Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phám Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Ông Nguyễn Thái P:

Buộc Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T trả trợ cấp thôi việc cho ông Nguyễn Thái P số tiền 31.635.670 *(Ba mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm bảy mươi)* đồng.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 949.070 *(Chín trăm bốn mươi chín ngàn không trăm bảy mươi)* đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết..

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út